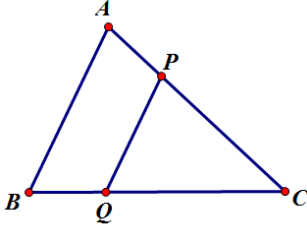


## CÂU HỎI TN ÔN TẬP – TOÁN 8

**Câu 1:** Trong các cặp phương trình sau, cặp phương trình nào tương đương:

- A.  $x - 2 = 0$  và  $2x - 4 = 0$ .                      B.  $5x = 0$  và  $2x - 1 = 0$ .  
 C.  $x^2 - 4 = 0$  và  $2x - 2 = 0$ .                      D.  $x = 1$  và  $x(x - 1) = 0$ .

**Câu 2:** Cho hình vẽ, để có  $PQ \parallel AB$  cần tỉ lệ thức nào?

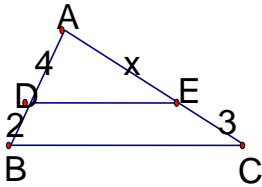


- A.  $\frac{PQ}{AB} = \frac{AC}{AP}$ .                      B.  $\frac{PC}{AC} = \frac{QC}{BC}$ .                      C.  $\frac{AP}{AC} = \frac{QC}{BC}$ .                      D.  $\frac{PC}{AC} = \frac{QC}{BQ}$ .

**Câu 3:** Cho tam giác ABC cân tại A, có  $AB = 10\text{cm}$ ,  $BC = 6\text{cm}$ , tia phân giác BD của góc ABC (D thuộc AC). Độ dài AD là:

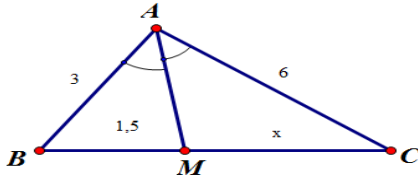
- A. 10cm.                      B. 6,25cm.                      C. 3,75cm.                      D. 6cm.

**Câu 4:** Cho hình vẽ,  $DE \parallel BC$ , độ dài x là:



- A. 8.                      B. 5.                      C. 7.                      D. 6.

**Câu 5:** Biết AM là phân giác của A trong  $\triangle ABC$ . Độ dài x trong hình vẽ là:



- A. 3.                      B. 9.                      C. 12.                      D. 0,75.

**Câu 6:** Cho tam giác ABC, đường thẳng  $PQ \parallel BC$  (P thuộc AB, Q thuộc AC). Trên BC lấy điểm M, AM cắt PQ tại I. Hệ thức nào sau đây đúng?

- A.  $\frac{AP}{PB} = \frac{PI}{BM}$ .                      B.  $\frac{PI}{BM} = \frac{MC}{IQ}$ .                      C.  $\frac{PQ}{BC} = \frac{AI}{AM}$ .                      D.  $\frac{IQ}{MC} = \frac{QC}{AC}$ .

**Câu 7:** Cho tam giác ABC, trên BC lấy điểm D, tia phân giác của góc ADC (E thuộc AC). Hệ thức nào sau đây đúng?

- A.  $\frac{AE}{EC} = \frac{BC}{AB}$ .                      B.  $\frac{AE}{EC} = \frac{AB}{BC}$ .                      C.  $\frac{AE}{EC} = \frac{DC}{AD}$ .                      D.  $\frac{AE}{EC} = \frac{AD}{DC}$ .

**Câu 8:** Cho tam giác ABC vuông tại A có  $AB = 9\text{cm}$ ;  $BC = 15\text{cm}$  Trên AB lấy điểm M sao cho  $AM = 3\text{cm}$ . Kẻ MN song song với AC cắt BC tại N. Độ dài MN là:

- A. 8cm.                      B. 3cm.                      C. 6cm.                      D. 4cm.

**Câu 9:** Tìm giá trị của k sao cho phương trình  $3(k + 1) - 1 = 2k + x$  có nghiệm là  $x = 5$ .

- A.  $k = 3$ .                      B.  $k = 1$ .                      C.  $k = 5$ .                      D.  $k = 7$ .

**Câu 10:** Tập nghiệm của phương trình  $(x + \frac{1}{3})(x - 2) = 0$  là:

- A.  $S = \left\{ \frac{-1}{3} \right\}$ .      B.  $S = \left\{ \frac{-1}{3}; 2 \right\}$ .      C.  $S = \left\{ \frac{-1}{3}; -2 \right\}$ .      D.  $S = \{2\}$ .

**Câu 11:** Trong các phương trình sau, phương trình bậc nhất 1 ẩn là:

- A.  $0x + 1 = 0$ .      B.  $\frac{2}{x} - 3 = 0$ .      C.  $\frac{-1}{2}x + 2 = 0$ .      D.  $x + y = 0$ .

**Câu 12:** Điều kiện xác định của phương trình  $\frac{x-2}{x} - \frac{5}{x+3} = 1$  là:

- A.  $x \neq 0$ .      B.  $x \neq 0; x \neq -3$ .      C.  $x \neq -3$ .      D.  $x \neq 0; x \neq 3$ .

**Câu 13:** Cho  $\Delta ABC$  có  $M \in AB, N \in AC$  và  $MN \parallel BC$ , ta có:

- A.  $\frac{MB}{MA} = \frac{NA}{NC}$ .      B.  $\frac{AM}{NC} = \frac{MB}{AN}$ .      C.  $\frac{AN}{MB} = \frac{AM}{NC}$ .      D.  $\frac{AM}{MB} = \frac{AN}{NC}$ .

**Câu 14:** Giá trị  $x = -4$  là nghiệm của phương trình:

- A.  $-2,5x = -10$ .      B.  $3x - 1 = x + 7$ .      C.  $3x - 8 = 0$ .      D.  $-2,5x + 1 = 11$ .

**Câu 15:** Xác định hệ số  $a, b$  của phương trình  $-2 - 3x = 0$ .

- A.  $a = -3, b = 2$ .      B.  $a = 2, b = 3$ .  
C.  $a = -3, b = -2$ .      D.  $a = -2, b = -3$ .

**Câu 16:** Cho  $\frac{AB}{CD} = \frac{3}{5}$  và  $CD = 15\text{cm}$ . Độ dài của  $AB$  là

- A.  $3\text{cm}$ ;      B.  $4\text{cm}$ ;      C.  $7\text{cm}$ ;      D.  $9\text{cm}$ .

**Câu 17:** Cho  $\Delta ABC$  có  $BC = 6\text{cm}$ , vẽ điểm  $D$  thuộc  $AB$  sao cho  $\frac{AD}{AB} = \frac{2}{5}$ , qua  $D$  kẻ  $DE \parallel BC$  ( $E$  thuộc  $AC$ ). Độ dài của  $DE$  là

- A.  $2\text{cm}$ ;      B.  $2,4\text{cm}$ ;      C.  $4\text{cm}$ ;      D.  $2,5\text{cm}$ .

**Câu 18:** Cho  $\Delta ABC$  vuông tại  $A$  có  $AB = 3\text{cm}$ ;  $BC = 5\text{cm}$ ;  $AD$  là đường phân giác trong của góc  $A$  ( $D$  thuộc  $BC$ ). Tỉ số  $\frac{DB}{DC}$  bằng

- A.  $\frac{3}{4}$ ;      B.  $\frac{4}{3}$ ;      C.  $\frac{3}{5}$ ;      D.  $\frac{5}{3}$ .

**Câu 19:** Phương trình bậc nhất  $3x - 1 = 0$  có hệ  $a, b$  là:

- A.  $a = 3; b = -1$       B.  $a = 3; b = 0$       C.  $a = 3; b = 1$       D.  $a = -1; b = 3$

**Câu 20:** Tập nghiệm của phương trình  $(x^2 + 1)(x - 2) = 0$  là:

- A.  $S = \{-1; 1; 2\}$       B.  $S = \{2\}$       C.  $S = \{-1; 2\}$       D.  $S = \emptyset$